

BÁO CÁO

Về việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với các KCN, KCX và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2018 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, UBND tỉnh Bình Định báo cáo việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về Bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các Khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX) và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn tỉnh Bình Định với những nội dung sau:

I. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao từ khi Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đến ngày 30/6/2018

1. Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật về môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

Từ năm 2014 đến nay, tỉnh Bình Định đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn, cụ thể:

- Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh về Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về BVMT tại Khu Kinh tế Nhơn Hội, các KCN, một số Cụm công nghiệp và khu chức năng đặc thù trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh về quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định, trong đó có phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án;

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh ban hành về việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy.

- Quyết định số 70/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Đối với việc ban hành các quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường liên quan đến nước thải và xử lý nước thải, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh về phân vùng phát thải khí thải và xả nước thải trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

a) Những nội dung còn thiếu, không phù hợp của Luật BVMT năm 2014:

- Tại Khoản 5, Điều 33 Luật BVMT năm 2014 quy định “Trường hợp dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thay đổi tính chất hoặc quy mô đến mức thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) thì Chủ đầu tư dự án, Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải lập báo cáo ĐTM và gửi cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt”. Tuy nhiên, Luật BVMT và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn chưa quy định cụ thể đối với trường hợp dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thay đổi tính chất hoặc quy mô nhưng chưa đến mức thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM thì trình tự, thủ tục thực hiện như thế nào.

- Tại Điều 64 Luật BVMT năm 2014 quy định “Việc xem xét, phê duyệt dự án và hoạt động có phát sinh khí thải phải căn cứ vào sức chịu tải của môi trường không khí, đảm bảo không có tác động xấu đến con người và môi trường”. Tuy nhiên, Luật BVMT và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn chưa quy định cụ thể về việc xác định sức chịu tải của môi trường không khí là như thế nào.

- Về thời điểm lập báo cáo ĐTM:

+ Theo quy định tại Khoản 2, Điều 19 Luật BVMT năm 2014 thì “Việc đánh giá tác động môi trường phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án”.

+ Theo quy định tại Khoản 2, Điều 25 Luật BVMT năm 2014 thì “Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các việc sau:”.

Như vậy, theo các quy định nêu trên, đối với từng trường hợp các nhóm dự án khác nhau thì thời điểm lập báo cáo ĐTM là khác nhau. Chẳng hạn: đối với nhóm dự án thuộc Điểm a, Khoản 2, Điều 25 Luật BVMT thì thời điểm lập báo cáo ĐTM sẽ rất sớm (khi dự án chỉ có báo cáo nghiên cứu khả thi, chưa có quy hoạch chi tiết, thiết kế cơ sở được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) thì không thể đáp ứng được nội dung báo cáo ĐTM quy định tại Phụ lục 2.3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015. Trong khi đó đối với nhóm dự án thuộc Điểm d, Khoản 2, Điều 25 Luật BVMT thì báo cáo ĐTM được lập khi quy hoạch chi tiết, thiết kế cơ sở, dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Việc không quy định cụ thể thời điểm lập báo cáo ĐTM đã gây khó khăn cho chủ đầu tư khi thực hiện việc này cũng như có sự không thống nhất trong

Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM khi xác định những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa báo cáo ĐTM.

- Về việc lập lại báo cáo ĐTM:

Tại Điều 20 Luật BVMT năm 2014 quy định: *Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM trong trường hợp không triển khai dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.* Tuy nhiên, Luật chưa làm rõ cụm từ “không triển khai dự án” là không xây dựng dự án hay không hoạt động, điều này gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc xác định đối tượng phải lập lại báo cáo ĐTM vì thực tế có một số trường hợp dự án đã phê duyệt báo cáo ĐTM, đã triển khai xây dựng nhưng không đưa vào hoạt động. Như vậy theo quy định trên thì đối với trường hợp dự án đã triển khai xây dựng hoàn thành nhưng không đưa vào hoạt động có thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo ĐTM không?

b) Sự thiếu kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, trùng lặp, mâu thuẫn, không phù hợp với thực tiễn của các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014 của các cơ quan trung ương

- Luật BVMT năm 2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015, tuy nhiên đến nay vẫn chưa ban hành đầy đủ các Nghị định, Thông tư, các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể: chưa có Thông tư quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; chưa có quy định cụ thể về chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để cho cơ sở gây ô nhiễm, ô nhiễm nghiêm trọng; chưa có Thông tư quy định việc cấp Giấy phép xả thải khí công nghiệp nên gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong công tác kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường cũng như xử lý các vi phạm liên quan; chưa có quy định cho vấn đề giải quyết tranh chấp khi có khởi kiện trong quá trình giám định thiệt hại môi trường; các quy định về công tác hậu kiểm, kiểm soát ô nhiễm đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường của các Bộ.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định “*việc giám sát môi trường xung quanh chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ*”. Tuy nhiên, đối với một số ngành nghề (như chế biến gỗ) thì bụi tại khu vực nhà chứa mùn cưa, bụi trong quá trình chà nhám, bụi và hơi dung môi phun sơn tại khu vực phun sơn, ... có ảnh hưởng lớn đến môi trường xung quanh. Nếu không thực hiện quan trắc định kỳ môi trường không khí xung quanh thì không thể giám sát được mức độ ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động này.

- Tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc giám sát nước thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh: đối với một loại hình dự án như nhau, có thành phần ô nhiễm đặc trưng trong nước thải giống nhau nhưng quy định về việc giám sát nước thải lại không nhất quán, cụ thể: đối với trường hợp dự án thuộc quy mô phải lập báo cáo ĐTM thì tất cả các cơ sở đều phải thực hiện giám sát nước thải; đối với

trường hợp dự án thuộc quy mô lập Kế hoạch BVMT do Sở Tài nguyên và Môi trường đăng ký xác nhận thì không phải giám sát chất lượng nước thải khi dự án có đầu nổi nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung; còn trường hợp dự án thuộc quy mô lập Kế hoạch BVMT do UBND huyện đăng ký xác nhận lại không yêu cầu giám sát môi trường, trong khi đó tại Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 quy định tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đều phải thực hiện báo cáo kết quả quan trắc môi trường cho cơ quan xác nhận Kế hoạch BVMT. Điều này gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong quá trình kiểm tra, giám sát.

- Tại Điều 7 Luật BVMT năm 2014 quy định nghiêm cấm “Thải khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí”; tại Điều 68 của Luật này cũng quy định: “Cơ sở sản xuất phát tán mùi ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư”, tuy nhiên hiện nay chưa có quy chuẩn kỹ thuật môi trường riêng cho các loại hình sản xuất có phát sinh mùi hôi nên việc kiểm soát các yếu tố gây mùi cũng như việc xử lý vi phạm hành chính đối với đối tượng này rất khó khăn. Chưa có quy định về khoảng cách an toàn môi trường đối với một số loại hình sự án.

- Chưa có quy định xác định chỉ tiêu mùi hôi cụ thể từng ngành nghề.

- Một số loại hình có khả năng ô nhiễm môi trường nhưng lại thuộc đối tượng không cần xác nhận hoàn thành theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường như: Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị tập trung hoặc nước thải công nghiệp tập trung, Dự án xây dựng cơ sở chế biến gỗ, dăm gỗ từ gỗ tự nhiên, Dự án xây dựng cơ sở cán, kéo kim loại, Dự án xây dựng khu du lịch, khu thể thao, vui chơi giải trí, sân golf, Dự án xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, Dự án xây dựng có lấn biển,...

- Các Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải chưa quy định đối với trường hợp thải vào môi trường đất.

- Các quy định về quản lý, BVMT tại các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn về quản lý, BVMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan vẫn còn chồng chéo, chưa thống nhất, cụ thể:

- + Theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 06/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ có quy định Ban Quản lý KKT thực hiện tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM các dự án trong KCN, KKT theo ủy quyền của UBND cấp tỉnh (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì chỉ đề cập đến việc ủy quyền cho Ban Quản lý các KCN, không đề cập đến Ban Quản lý KKT nên chưa thống nhất trong việc triển khai.

c) Những tồn tại, hạn chế trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương (tính không kịp thời, đầy đủ, đồng bộ; không phù hợp với yêu cầu thực tiễn,...); nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

Hiện nay, công tác quản lý môi trường tại các KCN nói riêng và trên địa bàn tỉnh nói chung được các cơ quan quản lý môi trường địa phương thực hiện trên cơ sở Quy chế BVMT trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt từ năm 2009 trên cơ sở Luật BVMT năm 2005 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan. Đến nay, đã có Luật BVMT 2014 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn mới thay thế; đồng thời, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực BVMT của các sở, ban, ngành nói chung và Ban Quản lý KKT nói riêng cũng đã có sự thay đổi dẫn đến một số bất cập trong quá trình thực hiện. Hiện nay UBND tỉnh đang giao Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế BVMT cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT mới do các cơ quan Trung ương ban hành để tạo sự nhất quán trong công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh nói chung và Ban Quản lý KKT nói riêng.

Các kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương được xây dựng trước đây chưa lồng ghép vấn đề môi trường nên phát sinh khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo vệ môi trường.

II. Tình hình thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn quản lý từ năm 2015 đến tháng 6/2018:

1. Kết quả thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp:

1.1. Tổng quan về các khu công nghiệp và tình hình hoạt động bảo vệ môi trường đối với nước thải ở các khu công nghiệp:

Theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh đã có 10 KCN được thành lập (kể cả 03 KCN trong KKT Nhơn Hội), gồm: 03 KCN Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa đã đi vào hoạt động và được các Chủ đầu tư hạ tầng KCN xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung; 03 KCN A, B, C trong KKT Nhơn Hội đang trong giai đoạn vừa xây dựng cơ sở hạ tầng, vừa kết hợp thu hút đầu tư, đã được Ban Quản lý KKT đầu tư xây dựng hoàn thành Khu xử lý nước thải (XLNT) tập trung quy mô công suất (giai đoạn 01) là 2.000 m³/ngày đêm; 03 KCN Hòa Hội, Bình Nghi, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đang trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư để triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật; KCN Cát Trinh đang tạm dừng đầu tư, cụ thể như sau:

TT	Tên KCN	Thời gian	Cơ quan phê duyệt ĐTM	Công suất HTXL	Xác nhận hoàn thành	Số lần thanh, kiểm tra
01	KCN Phú Tài	1998	Bộ TN và MT	2.000 m ³ /ngày đêm	Đã thực hiện	01
02	KCN Long Mỹ	2004	Bộ TN và	Sử dụng chung	Đã thực	01

			MT	hệ thống xử lý nước thải KCN Phú Tài	hiện	
03	KCN Nhơn Hòa	2009	Bộ TN và MT	500 m ³ /ngày đêm	Đã thực hiện	01
04	KCN Nhơn Hội (Khu A)	2006	Bộ TN và MT	Các KCN không xây dựng hệ thống XLNT riêng biệt mà nước thải thu gom về hệ thống XLNT KCN Nhơn Hội công suất 2000 m ³ /ngày đêm	Chưa thực hiện vì các KCN này đang trong giai đoạn thi công xây dựng	
05	KCN Nhơn Hội (Khu B)	2007	Bộ TN và MT			
06	KCN Nhơn Hội (Khu C)	2005	Bộ TN và MT			

1.2. Việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý nước thải tại các KCN:

a) *Việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), xác nhận hoàn thành công trình BVMT:*

Trong tổng số 10 KCN đã được thành lập nêu trên, có 03 KCN gồm: Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa đã được Chủ đầu tư lập đầy đủ các thủ tục về môi trường (Báo cáo ĐTM, Đề án BVMT chi tiết, Báo cáo hoàn thành công trình BVMT), được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt/xác nhận; 03 KCN A, B, C thuộc KKT Nhơn Hội đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM nhưng Chủ đầu tư KCN chưa lập thủ tục xác nhận hoàn thành công trình BVMT do dự án còn trong giai đoạn thi công xây dựng; 02 KCN gồm KCN Bình Nghi và KCN Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đang trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư, chưa được phê duyệt báo cáo ĐTM; riêng KCN Hòa Hội đã được Chủ đầu tư lập báo cáo ĐTM, gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổ chức họp thẩm định vào tháng 6/2018, dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 8/2018.

b) *Việc đầu tư các công trình BVMT, kiểm soát ô nhiễm môi trường:*

- KCN Phú Tài, Long Mỹ: Chủ đầu tư là Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

+ Đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, đấu nối, xử lý nước thải (công suất 2.000 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp), đáp ứng 100% nhu cầu đấu nối nước thải và xử lý nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp.

+ Đã lập đầy đủ thủ tục liên quan đến việc xả nước thải sau xử lý ra môi trường và được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải từ năm 2012, thời hạn cấp phép 05 năm.

+ Đã lắp đặt hoàn thành và đưa vào vận hành trạm quan trắc nước thải tự động với các chỉ tiêu ô nhiễm cơ bản là lưu lượng, nhiệt độ, COD, pH, TSS.

- KCN Nhơn Hòa: Chủ đầu tư là Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa.

+ Đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, đấu nối, xử lý nước thải (công suất 500 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp), đáp ứng 100% nhu cầu đấu nối nước thải và xử lý nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp.

+ Đã lập đầy đủ thủ tục liên quan đến việc xả nước thải sau xử lý ra môi trường và được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải từ năm 2016, thời hạn cấp phép 05 năm.

+ Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động theo quy định.

- Các KCN A, B, C thuộc KKT Nhơn Hội:

+ Ban Quản lý KKT đã đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung phục vụ chung cho cả 03 KCN (công suất 2000 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp), đáp ứng 100% nhu cầu xử lý nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp trong 03 KCN này. Riêng đối với hệ thống thu gom nước thải, các Chủ đầu tư hạ tầng KCN chưa đầu tư hoàn thiện hạ tầng thu gom, đấu nối nước thải một cách đồng bộ theo quy hoạch, chỉ đầu tư cục bộ tại những khu vực có bố trí nhiều dự án đầu tư.

+ Ban Quản lý KKT đã lập đầy đủ thủ tục liên quan đến việc xả nước thải sau xử lý ra môi trường và được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải từ năm 2017, thời hạn cấp phép 05 năm.

+ Đã lắp đặt hoàn thành và đưa vào vận hành trạm quan trắc nước thải tự động với các chỉ tiêu ô nhiễm cơ bản là lưu lượng, nhiệt độ, COD, pH, TSS.

- KCN Hòa Hội, KCN Bình Nghi, KCN Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định hiện đang trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư, chưa triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

c) Việc tổ chức thực hiện các biện pháp BVMT, vận hành các công trình BVMT, kiểm soát ô nhiễm môi trường:

- Hiện nay, cơ bản các công trình xử lý nước thải tại các KCN đã được các Chủ đầu tư các KCN đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành thường xuyên, ổn định, có hiệu quả, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận, phù hợp với Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Trong quá trình hoạt

động, các Chủ đầu tư hạ tầng KCN chưa để xảy ra các sự cố liên quan đến việc xử lý, xả nước thải ô nhiễm môi trường. Đồng thời, các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp tại các KCN phần lớn đều thực hiện đầu nối nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý theo đúng quy định về BVMT tại các KCN và KKT nên việc quản lý nguồn nước thải tại các doanh nghiệp trong các KCN có nhiều thuận lợi và hầu hết các doanh nghiệp đều chấp hành tốt công tác quản lý nguồn nước thải phát sinh theo đúng quy định.

- Các Chủ đầu tư các KCN đã chủ động khắc phục những tồn tại về công tác BVMT theo yêu cầu của các cơ quan chức năng và chú trọng đầu tư các công trình BVMT và duy trì vận hành thường xuyên các công trình, biện pháp BVMT đã đầu tư một cách có hiệu quả.

1.3. Việc thực hiện quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải KCN:

Nhìn chung, việc kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải tại các KCN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua được các đơn vị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Theo đó, tất cả các KCN có hoạt động kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải đều đã triển khai xây dựng đơn giá xử lý nước thải phù hợp với quy mô đầu tư hệ thống xử lý và tính chất của nguồn nước thải, được UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở thực hiện việc thu phí. Việc thu phí đều được thực hiện thông qua Hợp đồng kinh tế, có hóa đơn chứng từ, sổ sách theo dõi theo đúng quy định.

1.4. Tổ chức bộ máy quản lý và nguồn lực tài chính BVMT tại KCN:

a) Đối với tổ chức bộ máy quản lý công tác BVMT:

Trong nhiệm vụ quản lý môi trường trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Quản lý KKT đã thành lập Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường với biên chế 07 cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Bên cạnh đó, các Chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng của từng KCN cũng đã trực tiếp tuyển dụng, đào tạo cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện việc theo dõi, quản lý công tác môi trường tại từng KCN. Cụ thể:

- KCN Phú Tài, Long Mỹ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định bố trí 05 cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý về môi trường.

- KCN Nhơn Hòa: Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa bố trí 03 cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý về môi trường.

- KKT Nhơn Hội: Các Chủ đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hội (Khu A, Khu B, Khu C) đều có bố trí 01 cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý môi trường. Ngoài ra, đơn vị quản lý hệ thống XLNT tập trung KCN Nhơn Hội cũng bố trí 03 cán bộ chuyên trách làm công tác vận hành hệ thống xử lý.

- Các doanh nghiệp trong KKT Nhơn Hội và các KCN đa số đều có bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm làm công tác BVMT.

Ngoài ra, nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về BVMT, hàng năm Ban Quản lý KKT đều cử cán bộ đảm nhiệm công tác quản lý môi trường tham gia các đợt tập huấn về môi trường do các cơ quan trung ương và địa phương tổ chức.

b) Đối với nguồn lực tài chính về BVMT:

Tại các KCN, nguồn lực tài chính phục vụ công tác BVMT gồm 02 nguồn:

- Nguồn ngoài ngân sách nhà nước do các Chủ đầu tư hạ tầng KCN và các doanh nghiệp thứ cấp tự bố trí để phục vụ công tác đầu tư xây dựng, vận hành các công trình, biện pháp BVMT của dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư.

- Nguồn ngân sách nhà nước: là nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được UBND tỉnh bố trí hàng năm cho Ban Quản lý KKT để triển khai công tác quản lý môi trường trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN. Tính từ năm 2015 – 2018, tổng ngân sách bố trí cho Ban Quản lý KKT để thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường KKT, KCN là 2,107 tỷ đồng, trong đó, năm 2015 là 541 triệu đồng, năm 2016 là 486 triệu, năm 2017 và 2018 là 540 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

2.1. Tổng quan về các cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao và tình hình hoạt động bảo vệ môi trường đối với nước thải ở các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Định chỉ có 01 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực dệt nhuộm là Công ty TNHH Delta Galil Việt Nam công suất 75.600.000 m² vải/năm tại xã Cát Trinh, huyện Phù Cát. Thời gian hoạt động: năm 2017.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn một số cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thuộc lĩnh vực chế biến đường, tinh bột mì, Wash, chăn nuôi.

2.2. Việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý nước thải tại các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao:

Công ty TNHH Delta Galil đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy dệt nhuộm may Delta Galil Việt Nam, đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 (năm 2017). Công ty đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải và tiến hành vận hành giám sát môi trường hằng năm.

2.3. Tổ chức bộ máy quản lý và nguồn lực tài chính bảo vệ môi trường ở các cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao: Các doanh nghiệp này đều bố trí công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải và cán bộ phụ trách về môi trường và an toàn lao động. Chi phí cho hoạt động bảo vệ môi trường được lấy từ nguồn kinh phí sản xuất của đơn vị.

3. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

a. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đều tổ chức tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường cho các cán bộ làm công tác môi trường tại các doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh với 150 lượt người/năm. Đồng thời đã biên soạn các sổ tay về môi trường đối với doanh nghiệp để hỗ trợ các doanh nghiệp nắm vững tính pháp lý và kỹ thuật môi trường.

Đối với các KCN, từ năm 2015 đến tháng 6/2018, Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật do Ban Quản lý KKT thành lập đã triển khai tổ chức thành công 06 đợt Hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT cho các doanh nghiệp trên địa bàn KCN, nhằm giúp doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các quy định mới về BVMT, từng bước cải thiện tính tự giác trong việc thực hiện công tác BVMT khi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Kết quả, tại mỗi đợt phổ biến, có khoảng 70% - 80% doanh nghiệp trên địa bàn các KCN tham gia phổ biến. Đã xây dựng, lắp đặt 15 Pa nô có nội dung quy định trách nhiệm thực hiện công tác BVMT của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; treo 133 băng rôn có nội dung tuyên truyền và hưởng ứng ngày Môi trường thế giới (ngày 05/6), ngày Đại dương thế giới (08/6) và tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01/6 - 08/6), Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn tại các tuyến đường giao thông trong các KCN nhằm mục đích tuyên truyền, nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác BVMT, nâng cao nhận thức về BVMT cho các doanh nghiệp trên địa bàn các KCN. Đăng các bài viết về quản lý, BVMT trong Bản tin KKT xuất bản định kỳ (03 số/năm) gửi đến các doanh nghiệp, nhằm giúp các doanh nghiệp nắm bắt, cập nhật kịp thời các quy định của Nhà nước về công tác BVMT. Ngoài ra, căn cứ Quy định về tiêu chí và thang điểm phân hạng các doanh nghiệp trong các KCN và KKT Nhơn Hội theo hướng Doanh nghiệp xanh đã ban hành, hàng năm đều tổ chức xét phân hạng, trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp xanh” cho các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác BVMT, nhằm kịp thời biểu dương, tôn vinh doanh nghiệp thực hiện tốt công tác BVMT, đồng thời khích lệ các doanh nghiệp khác tại KKT Nhơn Hội và các KCN nỗ lực hơn đối với công tác BVMT trong hoạt động sản xuất. Kết quả, từ năm 2015 đến tháng 6/2018, có 84 doanh nghiệp thực hiện tốt công tác BVMT được Ban Quản lý KKT tuyên dương, khen thưởng, trong đó có 03 doanh nghiệp được UBND tỉnh tặng bằng khen.

b. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT từ năm 2015 đến tháng 6/2018 đối với các KCN đã đi vào hoạt động

Các cơ quan quản lý của tỉnh hàng năm đều tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh với khoảng 200 lượt/năm, trong đó có các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và

đề xuất xử lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với một số đơn vị. Hầu hết các cơ sở được kiểm tra đã có hồ sơ môi trường và đã có đầu tư các công trình xử lý chất thải, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường đều có công văn đôn đốc, nhắc nhở hoặc trực tiếp kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện các biện pháp xử lý, báo cáo tiến độ thực hiện trong thời gian thực hiện xử lý ô nhiễm. Các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao đã nghiêm túc trong việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nhờ đó giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đối với KCN, từ năm 2015 đến tháng 6/2018, việc thanh tra, kiểm tra công tác BVMT tại các KCN trên địa bàn tỉnh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành của tỉnh quan tâm thực hiện, qua đó đã kịp thời xử lý những trường hợp vi phạm và yêu cầu các Chủ đầu tư hạ tầng KCN khắc phục những tồn tại trong công tác BVMT, nhất là những tồn tại liên quan đến việc thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn. Đối với công tác thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường: từ năm 2015 đến tháng 6/2018 có 03 KCN được thanh tra là KCN Phú Tài, KCN Long Mỹ và KCN Nhơn Hòa. Qua kết quả thanh tra, có 02 KCN (Phú Tài và Nhơn Hòa) vi phạm trong việc xử lý nước thải không đạt quy chuẩn môi trường và bị thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường xử phạt với mức phạt 340 triệu đồng đối với KCN Phú Tài và 150 triệu đồng đối với KCN Nhơn Hòa. Đối với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện BVMT tại các KCN: Ban Quản lý KKT đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thường xuyên triển khai thực hiện, cơ bản có hiệu quả. Theo đó, đã kịp thời hướng dẫn và nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về BVMT nêu trong hồ sơ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận và các quy định hiện hành khác của Nhà nước trong công tác BVMT, đồng thời chấn chỉnh những hành vi vi phạm về BVMT, kịp thời xử lý các phát sinh, vướng mắc và các dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn các KCN. Tính từ năm 2015 đến tháng 6/2018, Ban Quản lý KKT đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai 168 lượt thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác BVMT tại các doanh nghiệp thứ cấp trong các KCN, qua đó, đã phối hợp đề xuất xử lý 05 doanh nghiệp với tổng số tiền 276,5 triệu đồng.

4. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

a) Việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT:

Từ thực tế hoạt động kiểm soát ô nhiễm đối với các doanh nghiệp ngoài KCN trong thời gian qua, nhận thấy các hành vi vi phạm có tính chất phổ biến là không thực hiện đúng nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường đã phê duyệt, xả nước thải chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn ra môi trường do không vận hành thường xuyên hoặc xây dựng hệ thống xử lý không đúng quy trình công nghệ. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do còn nhiều cơ sở

chưa nghiêm túc đầu tư cho môi trường, còn tình trạng đối phó; các cơ sở thiếu mặt bằng để xây dựng hệ thống xử lý chất thải, xây dựng chắt nổi thiếu đồng bộ (sản xuất trước sau đó mới đầu tư xây dựng hệ thống xử lý sau); khó khăn về kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý.

Đối với KCN, việc đầu tư các công trình BVMT, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các KCN cơ bản đã được các Chủ đầu tư hạ tầng KCN quan tâm thực hiện, tuy nhiên vẫn chưa đạt yêu cầu đặt ra. Cụ thể: Đối với nhiệm vụ xây dựng hệ thống thu gom – xử lý nước thải tập trung cho các KCN đang hoạt động thuộc KKT Nhơn Hội, đến thời điểm này, Ban Quản lý KKT đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các KCN và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tiếp nhận nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp trong các KCN để xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận. Tuy nhiên hiện nay, hệ thống thu gom nước thải trong nội bộ các KCN A, B thuộc KKT Nhơn Hội chưa được các Chủ đầu tư hạ tầng KCN quan tâm thực hiện việc xây dựng đúng theo quy hoạch được duyệt nên tỷ lệ thu gom, đầu nổi nước thải (chủ yếu là nước thải sinh hoạt) của các dự án thứ cấp trong các KCN này còn thấp, chưa đảm bảo yêu cầu. Về việc này, theo chức năng nhiệm vụ quản lý môi trường được giao, Ban Quản lý KKT đã có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư KCN A là Công ty CP KCN Sài Gòn Nhơn Hội và Chủ đầu tư KCN B là Công ty TNHH MTV Hong Yeung Việt Nam khẩn trương thực hiện việc đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải, đáp ứng nhu cầu đầu nổi và xử lý nước thải của tất cả các dự án thứ cấp trong 02 KCN này. Đối với việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, đến thời điểm này đã có 05/06 KCN đi vào hoạt động triển khai thực hiện đúng theo quy định, chỉ có KCN Nhơn Hòa chưa thực hiện. Về việc này, Ban Quản lý KKT đã có văn bản hướng dẫn yêu cầu Chủ đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa thực hiện nhưng đến nay doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện theo đúng quy định.

b) Về kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT đã được quan tâm thực hiện hàng năm nhằm mục tiêu phổ biến kịp thời các quy định mới về BVMT để các doanh nghiệp biết và triển khai thực hiện. Tuy nhiên qua quá trình phổ biến, vẫn còn khoảng 20% doanh nghiệp chưa quan tâm đến công tác này. Điều này cho thấy tính tự giác, mức độ quan tâm đến các quy định của pháp luật về BVMT của một phần doanh nghiệp tại KCN còn chưa cao, chưa được cải thiện. Tỷ lệ chủ doanh nghiệp tham gia còn ít (chủ yếu là cán bộ phụ trách môi trường – lao động nên mức độ chuyển biến thực tế còn thấp).

- Công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT đối với KCN đã được các cơ quan từ trung ương đến địa phương tăng cường thực hiện, số lượng doanh nghiệp tuân thủ quy định về BVMT được gia tăng theo từng năm; tình hình khiếu nại, khiếu kiện về ô nhiễm môi trường cơ bản đã được giảm thiểu đáng kể. Tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn một số doanh nghiệp thực hiện không tốt công tác BVMT, bị các cơ quan chức năng xử phạt. Nguyên nhân:

+ Một số doanh nghiệp chưa có ý thức cao trong việc thực hiện công tác BVMT, có tư tưởng tập trung vào lợi nhuận, xem nhẹ, không đầu tư cho công tác BVMT. Đồng thời, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường ở các doanh nghiệp hiện nay đa phần là cán bộ kiêm nhiệm, nên việc tham mưu trong công tác BVMT tại các doanh nghiệp chưa kịp thời và chưa tuân thủ cao các quy định của pháp luật về BVMT.

+ Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để tạo điều kiện các doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ nguồn vốn của Quỹ BVMT và tiếp cận các công nghệ sản xuất tiên tiến và thân thiện với môi trường.

III. Đánh giá chung kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc ban hành và thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

1. Khái quát những kết quả đạt được:

Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực từ năm 2014 đến nay, cụ thể: các doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải, thường xuyên quan trắc môi trường.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT trên địa bàn tỉnh nói chung và đối với KCN nói riêng được thực hiện cơ bản kịp thời và đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT do các cơ quan trung ương ban hành, có tính thực tiễn khi đưa vào áp dụng.

Về BVMT tại các KCN: Công tác quản lý môi trường tại các KCN cơ bản được các cơ quan trung ương và UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, có hiệu quả; số lượng doanh nghiệp tuân thủ quy định về BVMT được gia tăng hàng năm; tình trạng xả nước thải không đạt quy chuẩn môi trường của các chủ đầu tư hạ tầng KCN theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2016 đã được xử lý dứt điểm nên đến nay chưa để xảy ra các sự cố liên quan đến việc xả nước thải ô nhiễm từ các KCN ra môi trường.

2. Khái quát các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

2.1. Tồn tại, vướng mắc:

Tồn tại, bất cập trong thi hành pháp luật:

- Một số yếu tố môi trường không được quy định cụ thể để xác định hành vi gây ô nhiễm môi trường như yếu tố mùi hôi.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa thực sự nghiêm túc đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường. Còn có tình trạng đối phó với cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn kiểm tra. Công tác quan trắc môi trường còn mang tính chất đối phó, các doanh nghiệp hầu hết giao cho đơn vị tư vấn thực hiện nội dung này.

- Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT do cơ quan trung ương ban hành chưa có sự đồng bộ, còn chồng chéo giữa các Luật và Nghị định, Thông tư hướng dẫn nên gây nhiều khó khăn vướng mắc cho các cơ quan quản lý môi trường địa phương khi áp dụng tại KCN, nhất là vướng mắc trong nội dung ủy quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường cho các dự án thứ cấp trong KCN cho Ban Quản lý KKT; vướng mắc trong công tác thanh tra, kiểm tra công tác BVMT tại các doanh nghiệp, ...

- Các văn bản quy phạm pháp luật của trung ương thường xuyên được điều chỉnh thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển mới, trong khi đó một số văn bản quy phạm pháp luật về BVMT địa phương trên địa bàn tỉnh ban hành trước đó chưa được xây dựng điều chỉnh, bổ sung kịp thời, dẫn tới những chồng chéo giữa nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật cũ và mới, gây khó khăn khi áp dụng.

- Chức năng quản lý môi trường của Ban Quản lý KKT chưa được quy định rõ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về BVMT. Trên cơ sở điều kiện thực tế tại địa phương, Ban Quản lý KKT thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường theo ủy quyền nên khó khăn về tính pháp lý, nhất là công tác xử lý vi phạm hành chính (không có chức năng).

Việc quy định phân cấp quản lý còn chồng chéo dẫn đến nhiều bất cập.

2.2. Nguyên nhân tồn tại, bất cập:

* Nguyên nhân từ các quy định của pháp luật về môi trường:

- Các hướng dẫn về kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường còn thiếu nhiều, nên công tác hướng dẫn cho doanh nghiệp còn hạn chế.

- Theo quy định, việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở sản xuất kinh doanh phải báo trước. Do đó, doanh nghiệp có tình trạng đối phó, rất khó đánh giá thực trạng các hệ thống xử lý chất thải và việc vận hành các hệ thống xử lý chất thải của doanh nghiệp.

- Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường quy định chưa hợp lý tại Khoản 1, Điều 22: Cấu trúc nội dung báo cáo số liệu quan trắc môi trường của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Vì cấu trúc của báo cáo có một số nội dung như: danh mục thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm, phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu, phương pháp lấy mẫu hiện trường, danh mục phương pháp đo tại hiện trường, công tác QA/QC trong quan trắc,... khó thực hiện và không cần thiết cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

* Nguyên nhân từ thực tiễn:

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh khó khăn về kinh phí để đầu tư các công trình xử lý chất thải.

- Việc xử lý các trường hợp sai phạm đôi lúc chưa kiên quyết (do mức phạt khá cao), gây tâm lý chây ỳ, đối phó của doanh nghiệp.

- Công tác kiểm tra, thanh tra chỉ chú trọng khi chủ dự án đi vào hoạt động, chưa thực hiện nhiều trong giai đoạn dự án xây dựng.

- Đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về môi trường tuy được tăng cường về số lượng và thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ so với yêu cầu hiện nay.

IV. Giải pháp và đề xuất kiến nghị nâng cao hiệu quả việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật, về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

1. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật, về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp và cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

a. Đối với Khu công nghiệp:

Trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT tại các KCN, các Bộ, ngành từ trung ương đến địa phương cần lấy ý kiến tham gia của các Ban Quản lý KCN, KCX và KKT.

b. Đối với các cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao:

Kiểm soát chặt chẽ đối với các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong việc lựa chọn công nghệ sản xuất, địa điểm thực hiện dự án khi phê duyệt dự án đầu tư và trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

2. Đề xuất, kiến nghị:

a. Kính đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Rà soát và sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường cho phù hợp tình hình hiện nay và định hướng bảo vệ môi trường.

b. Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Chỉ đạo các Bộ tăng cường công tác hậu kiểm, kiểm soát ô nhiễm đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường của các Bộ.

- Quy định rõ chức năng, quyền hạn của Ban Quản lý KKT về công tác quản lý môi trường trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về BVMT.

- Ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp để tạo điều kiện các doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ nguồn vốn của Quỹ BVMT và tiếp cận các công nghệ sản xuất tiên tiến và thân thiện với môi trường.

c. Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Quy định việc kiểm tra, lấy mẫu đột xuất tại doanh nghiệp để đánh giá khách quan công tác bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp.

- Quy định cụ thể việc giám sát từ cộng đồng dân cư đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó có các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao như

việc cho phép cộng đồng lấy mẫu kịp thời để đánh giá việc xả thải của doanh nghiệp khi cơ quan quản lý chưa lấy mẫu kịp.

- Quy định về địa điểm thực hiện dự án, khoảng cách an toàn về môi trường đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động. Yêu cầu các cơ sở thuộc danh sách gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cũng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động.

- Ban hành bổ sung một số nội dung như: kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; nộp phí bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp phát sinh khí thải công nghiệp; vấn đề giải quyết tranh chấp khi có khởi kiện trong quá trình giám định thiệt hại môi trường.

- Sớm ban hành quy định về chứng nhận các cơ sở gây ô nhiễm hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm.

- Bổ sung hệ số Kq quy định về nguồn tiếp nhận nước thải đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong trường hợp nguồn tiếp nhận chất thải là môi trường đất.

- Sửa đổi Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT theo hướng phù hợp: giản đơn các biểu mẫu, phụ lục báo cáo trong Thông tư, lược bỏ các nội dung không cần thiết như QA, QC, danh mục thiết bị quan trắc, phương pháp lấy mẫu, phân tích. Đồng thời bỏ việc phản hồi của cơ quan quản lý vì sẽ mất rất nhiều thời gian phản hồi (phản hồi hàng trăm cơ sở, mỗi cơ sở 4 lần/năm).

- Thường xuyên định hướng, hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với các KCN, KCX và cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao kính đề nghị Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội xem xét, tổng hợp. *lle*

Nơi nhận:

- UB KH, CN & MT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K6, K10. *lle*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu